

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 818/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đi Khu di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)”

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 360/STNMT-CCBVMT ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đi Khu di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 198/TTr-STNMT ngày 24 tháng 4 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đi Khu di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã: Tiến Đức, Liên Hiệp, Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tiến Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà và Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Văn Hoàn**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
của Dự án “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng  
Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đi Khu di tích lịch sử  
Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)”  
(Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đi Khu di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2).

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại các xã: Tiến Đức, Liên Hiệp, Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà.

Địa chỉ: Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Phạm vi:

+ Tuyến chính: Điểm đầu giao ĐH.61 tại Km 1+170 (lý trình ĐH.61), điểm cuối giao với Quốc lộ 39 cũ tại Km 50+300 (lý trình QL.39 cũ), chiều dài tuyến  $L = 1.895,80$  m.

+ Tuyến nhánh: Điểm đầu tuyến giao với tuyến chính tại Km 0+553,67 (lý trình tuyến chính), điểm cuối giao đường giao thông trục chính thôn Khám, xã Tân Hòa, chiều dài tuyến  $L = 490,67$  m.

- Quy mô:

+ Tuyến chính và tuyến nhánh: Thiết kế theo quy mô đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005).

+ Xây dựng đồng bộ các công trình trên các tuyến gồm: Rãnh thoát nước dọc; cống hộp; mương phục vụ nông nghiệp; kè, tường chắn gia cố taluy; cầu qua kênh Sa Lung; vỉa hè, ô cây; hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến; các công trình cải tạo, hoàn trả khác.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

- Tuyến chính chiều dài 1.895,80 m; tuyến nhánh chiều dài 490,67 m.

- Công trình trên tuyến:

+ Rãnh thoát nước dọc: Rãnh bê tông cốt thép  $B = 1,0$  m dài 673 m, rãnh bê tông cốt thép  $B = 0,6$  m dài 1.033 m, rãnh bê tông cốt thép  $B = 0,5$  m dài 553 m.

+ Cống hộp 1,0x1,0 m (21 cống).

+ Mương xây phục vụ nông nghiệp  $B=1,0$  m dài 1.155 m.

+ Kè, tường chắn gia cố taluy: Chiều dài kè đá học xây 672,6 m, chiều dài tường chắn đá học xây 10 m.

+ Cầu bản trên tuyến chính bắc qua kênh Sa Lung tại Km 0+569,98 (tuyến chính) gồm 03 nhịp, chiều dài mỗi nhịp  $L = 6$  m, chiều dài toàn cầu tính đến đuôi mỏ  $L_c = 23,12$  m, mặt cắt ngang cầu gồm 09 bản dầm (02 dầm biên, 07 dầm giữa), chiều rộng cầu  $B = 9,0$  m.

+ Vía hè, ô cây với tổng diện tích vỉa hè là  $752,4 \text{ m}^2$ .

+ Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo Quy chuẩn QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN Giờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế và các quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Công trình khác: Cải tạo giếng chùa Km 1+009,92 (tuyến chính), cải tạo giếng chùa Km 0+022,21 (tuyến nhánh); hoàn trả thùng chứa nước Km 1+231,31 (tuyến chính); sơn lại lan can cầu Khám tại Km 0+095,56 (tuyến nhánh).

#### 1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

### 2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình phá dỡ, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Giai đoạn vận hành: Khí thải từ phương tiện giao thông, tiếng ồn, độ rung.

### 3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

#### 3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

Phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công, xây dựng khoảng  $3,1 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng  $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , thông số ô nhiễm đặc trưng:  $\text{BOD}_5$ , TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni,  $\text{NO}_3^-$ ,  $\text{PO}_4^{3-}$ , dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung của các phương tiện tham gia giao thông trên đường.

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Phát sinh giai đoạn thi công xây dựng khoảng 21,5 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

Phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Từ phá dỡ, phát quang, dọn dẹp mặt bằng khoảng 4.807,87 tấn; từ bóc tách lớp đất mặt, thi công xây dựng khoảng 19.916,13 tấn.

- Chất thải nguy hại:

Phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Giẻ lau, găng tay dính các thành phần nguy hại, bao bì cứng thải có chứa thành phần nguy hại, bao bì mềm thải chứa các thành phần nguy hại, chất kết dính thải; khối lượng khoảng 85 kg.

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động các phương tiện giao thông trên đường.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

#### 4.1.1. Đối với nước thải:

Giai đoạn xây dựng:

- Thuê công nhân tại địa phương để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt; sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại công trường thi công, nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng phát sinh tại khu vực tập kết nguyên vật liệu của dự án được thu gom qua đường rãnh thu nước thải vào bể lắng thể tích 12 m<sup>3</sup>, nước thải sau xử lý được tái sử dụng để phục vụ xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn khu vực tập kết nguyên vật liệu: Thực hiện biện pháp dùng bạt che phủ; bố trí rãnh thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước khu vực tập kết nguyên vật liệu.

#### 4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Phun tưới ẩm tại các khu vực thi công, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, dọn vệ sinh, rửa xe trước khi ra khỏi khu tập kết nguyên vật liệu, thường xuyên vệ sinh, che phủ các vị trí tập kết nguyên liệu, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh tại các vị trí được quy hoạch theo quy định; lắp đặt biển hiệu giao thông, gờ giảm tốc theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

#### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào 03 thùng đựng rác thể tích 100 lít/thùng, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý; đất thải từ quá trình đào đắp, bóc tách đất hữu cơ được tận dụng để san lấp dự án, phần không tận dụng được sẽ chuyển giao đơn vị có nhu cầu sử dụng theo quy định; thực vật từ quá trình phát quang: Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Giai đoạn xây dựng: Sử dụng 02 thùng nhựa thể tích 100 lít/thùng có nắp đậy kín, có dán nhãn chất thải nguy hại lên vỏ thùng, đặt tại khu vực tập kết nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Giai đoạn xây dựng: Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung; hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

#### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

- Giám sát không khí xung quanh trong quá trình xây dựng dự án:

+ Vị trí giám sát: 03 vị trí tại tuyến đường thuộc dự án đi qua khu dân cư 03 xã (01 vị trí/xã).

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>; tiếng ồn, độ rung.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại trong quá trình xây dựng dự án: Giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

#### 6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

6.1. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

6.2. Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

6.3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án

6.4. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và không gây ảnh hưởng xấu tới hoạt động lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc thi công hệ thống thoát nước, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án.

6.5. Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.6. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

6.7. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

6.8. Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt biển báo, mốc giới địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

6.9. Trong quá trình thi công nếu đề xảy ra sạt lở gây ảnh hưởng đến các

công trình xây dựng phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan và cơ quan địa phương khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.10. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.11. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.

